

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 27-8-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Đăng
2. Ông Trần Thanh Hoàng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 317/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Minh T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp B1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Châu Hồng L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Anh T có mặt, chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đào Minh T trình bày: Anh và chị Châu Hồng L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 26/02/2016. Việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân được khoảng hai năm nay. Chị L hiện đang sinh sống cùng con trai tại ấp

B, xã P1 còn anh T đang sống tại nhà cha mẹ ruột ở ấp B1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Châu Hồng L.

Về con chung: Giữa anh và chị L có 01 con chung là cháu Đào Minh N, sinh ngày 15/02/2016. Cháu N hiện đang sống cùng chị L. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng (một triệu đồng) mỗi tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị L nhưng chị L không cung cấp lời khai và cũng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T; giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Đào Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Châu Hồng L cư trú tại ấp B, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”; nguyên đơn là anh Đào Minh T, bị đơn là chị Châu Hồng L và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Châu Hồng L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Châu Hồng L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Minh T và chị Châu Hồng L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P1, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 26/02/2016, việc kết hôn do cả hai tự nguyện nên được xem là

hôn nhân hợp pháp. Anh T yêu cầu được ly hôn với chị L do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã sống ly thân được khoảng hai năm nay.

Xét thấy, anh T và chị L không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và đã có thời gian ly thân kéo dài. Hiện chị L đang sống cùng con trai tại ấp B, xã P1 còn anh T đang sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp B1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị L đến Tòa án để lấy ý kiến và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không chấp hành mà không có lý. Do vậy, có cơ sở xác định anh T và chị L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Đào Minh N, sinh ngày 15/02/2016. Cháu N còn nhỏ và đang sống cùng mẹ tại ấp B, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Mặt khác, anh T đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đào Minh N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đào Minh T tự nguyện mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh T khai không có nên không xét.

[8] Về án phí: Tiền phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[9] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của anh Đào Minh T đối với chị Châu Hồng L.

Xử cho anh Đào Minh T được ly hôn với chị Châu Hồng L.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đào Minh N, sinh ngày 15/02/2016 cho chị Châu Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đào Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đào Minh T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Anh Đào Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng anh T phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000590 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang